

Số: /KH-CĐSL

Sơn La, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Công tác tuyển sinh năm 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng.

Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giấy phép số 91/2023/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT 03/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026.

Quyết định 1077/QĐ-SGDĐT ngày 11/12/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo năm 2026.

Quyết định số 06/QĐ-CĐSL ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La.

Quyết định số 1246/QĐ-CĐSL ngày 24/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2026.

Trường Cao đẳng Sơn La xây dựng Kế hoạch công tác tuyển sinh năm 2026 như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kế hoạch tuyển sinh năm 2026 được xây dựng nhằm giúp cho Hội đồng tuyển sinh và lãnh đạo các phòng, trung tâm, khoa, bộ môn thực hiện thống nhất những nội dung cơ bản của công tác tuyển sinh năm 2026, trên cơ sở đó từng thành

viên Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) và các phòng, trung tâm, khoa, bộ môn tổ chức thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

- Công tác tuyên truyền tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp năm 2026 nhằm quảng bá hình ảnh của nhà trường; cung cấp đầy đủ, đáp ứng kịp thời và rộng rãi thông tin tuyển sinh đến học sinh đã và đang học tại các trường THCS, THPT, Trung tâm GDTX, Trường PTDT nội trú trên địa bàn tỉnh Sơn La và các tỉnh nước CHDCND Lào; qua đó thu hút thí sinh đăng ký xét tuyển, góp phần nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh của nhà trường.

2. Yêu cầu

- Căn cứ nội dung công tác tuyển sinh năm 2026 tại kế hoạch này, các đơn vị, cá nhân có liên quan theo chức năng nhiệm vụ đã được quy định, xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng nội dung tuyển sinh đảm bảo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh Sơn La, các quy định của nhà nước, nhà trường.

- Phân công cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cho cá nhân thực hiện các nội dung của công tác tuyển sinh; thực hiện nghiêm túc quy chế tuyển sinh hiện hành của các Bộ chủ quản, kịp thời phát hiện, báo cáo và đề xuất xử lý theo quy định, không hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công; đảm bảo công tác tuyển sinh năm 2026 đạt được hiệu quả cao nhất.

- Công tác tuyên truyền tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp:

+ Cung cấp đầy đủ thông tin về nhà trường, các ngành/ngành tuyển sinh năm 2026, chế độ đãi ngộ mà người học được hưởng trong quá trình học tại nhà trường tới học sinh sinh viên. Định hướng, khuyến khích, động viên nhằm thu hút học sinh trong độ tuổi có năng khiếu vào học một số ngành/ngành: Thanh nhạc, Organ, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống, Hội họa, Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc.

+ Việc tuyên truyền phải đảm bảo các quy định của nhà trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội góp phần nâng cao chất lượng của công tác tuyển truyền.

- Đảm bảo về tiến độ thời gian, thiết thực và hiệu quả.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Chỉ tiêu tuyển sinh tổng quát

- Trình độ cao đẳng, trung cấp: Tổng chỉ tiêu dự kiến tuyển sinh: **2.300** chỉ tiêu. Trong đó:

+ Trình độ cao đẳng 190 chỉ tiêu (nhóm ngành/ngành Giáo dục nghề nghiệp 90; Giáo dục mầm non 100).

+ Trình độ trung cấp: 945 chỉ tiêu (nhóm ngành/ nghề Giáo dục nghề nghiệp).

- Trình độ đại học (liên kết đào tạo): 50 học viên

- Trình độ sơ cấp và dạy nghề thường: 150 học viên

- Các lớp bồi dưỡng: 800 học viên

- Bồi dưỡng tiếng Việt cho Lưu học sinh và học viên Lào: 200-300 học viên

2. Các ngành, nghề đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2026

TT	Trình độ/Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề	Ghi chú
I	Trình độ cao đẳng		
1	Công nghệ thông tin	6480201	
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	
3	Chăn nuôi-Thú y	6620120	
4	Hướng dẫn du lịch	6810103	
5	Giáo dục mầm non	51140201	
II	Trình độ trung cấp		
1	Kế toán Doanh nghiệp	5340302	
2	Nghiep vụ bán hàng	5340119	
3	Tin học ứng dụng	5480205	
4	Quản lý văn hóa	5340436	
5	Quản trị khách sạn	5810201	
6	Hướng dẫn du lịch	5810103	
7	Văn thư hành chính	5320301	
8	Dịch vụ pháp lý	5380201	
9	Công tác xã hội	5760101	
10	Pháp luật	5380101	
11	Chăn nuôi - Thú y	5620120	
12	Lâm sinh	5620202	
13	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	5620111	
14	Bảo vệ môi trường đô thị	5850104	
15	Hội họa	5210103	
16	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5210207	
17	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	5210216	
18	Organ	5210224	
19	Thanh Nhạc	5210225	

3. Đối tượng tuyển sinh

a. Đối với trình độ trung cấp

- Học sinh tốt nghiệp hoặc đã hoàn thành trung học cơ sở (THCS) trừ một số ngành/ngề đặc thù, cụ thể như sau:

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề	Đối tượng tuyển sinh
1	Thanh nhạc (04 năm)	5210225	Người học có độ tuổi từ 14 tuổi trở lên hoặc tốt nghiệp hoặc hoàn thành THCS
2	Organ (04 năm)	5210224	Người học đã tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS)
3	Organ (06 năm)	5210224	Người học có độ tuổi từ 11-14 tuổi hoặc tốt nghiệp ; hoàn thành THCS
4	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (04 năm)	5210216	Người học từ 14 tuổi trở lên hoặc tốt nghiệp, hoàn thành THCS
5	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (06 năm)	5210216	Người học có độ tuổi từ 11 đến 14 tuổi
6	Hội họa (04 năm)	5210103	Người học có độ tuổi từ 14 tuổi trở lên hoặc tốt nghiệp ; hoàn thành THCS
7	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (04 năm)	5210207	Người học có độ tuổi từ 14 tuổi trở lên hoặc tốt nghiệp, hoàn thành THCS
8	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (06 năm)	5210207	Người học có độ tuổi từ 9-13 tuổi

b. Đối với trình độ cao đẳng khối giáo dục nghề nghiệp

- Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định.

c. Đối với trình độ cao đẳng khối giáo dục mầm non: Học sinh tốt nghiệp THPT

4. Hình thức tuyển sinh

a. Xét tuyển: Tất cả các ngành/ngành trừ nhóm ngành/ngành Mỹ thuật và nhóm ngành/ngành Nghệ thuật trình diễn.

b. Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển

* Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển (năng khiếu) các ngành/ngành của khối nghệ thuật như sau:

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề	Môn thi năng khiếu	Tổ hợp xét tuyển
----	------------------------	----------------	--------------------	------------------

1	Hội họa	5210103	Vẽ 01 bức tranh với chủ đề tự chọn có: - Ý tưởng phù hợp - Bố cục phù hợp - Màu sắc phù hợp	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
2	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5210207	- Hình thể - Năng khiếu múa - Năng khiếu tiết tấu	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
3	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	5210216	- Hình thể - Năng khiếu nhạc cụ - Thảm âm, tiết tấu, trí nhớ âm nhạc	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
4	Organ	5210224	- Hình thể - Năng khiếu nhạc cụ - Thảm âm, tiết tấu, trí nhớ âm nhạc	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
5	Thanh nhạc	5210225	- Hình thể - Năng khiếu thanh nhạc (<i>Hát</i>) - Thảm âm, tiết tấu, trí nhớ âm nhạc	Toán học - Ngữ văn - Năng khiếu

* Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển Ngành Giáo dục mầm non:

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề	Môn thi năng khiếu	Tổ hợp xét tuyển
1	Giáo dục mầm non	51140201	- Đọc diễn cảm - Kể chuyện - Hát	Toán học - Ngữ văn - Năng khiếu

c) Đối với thí sinh đăng ký các ngành/ngành trình độ Cao đẳng trên hệ thống tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT thực hiện như sau:

TT	Nội dung triển khai	Đơn vị/cá nhân chủ trì thực hiện	Đơn vị/cá nhân phối hợp thực hiện	Sản phẩm dự kiến	Thời gian hoàn thành
I. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRÊN HỆ THỐNG					
1	Điều chỉnh, công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển và điểm trúng tuyển quy đối tượng đương trên Hệ thống và trang thông tin điện tử của Trường	HĐTS	Cán bộ CNTT; Ban Thư ký; Ban truyền thông	Dữ liệu trên hệ thống; thông báo; link công khai	17 giờ 00 ngày 10/7/2026

2	Phối hợp với Vụ GDDH, Cục GDNNGDTH, Cục KHCNTT, Cục QLCL rà soát dữ liệu thí sinh	Cán bộ CNTT; Ban Thư ký			Từ ngày 25/7/2026 đến 17 giờ 00 ngày 26/7/2026
---	---	-------------------------	--	--	--

II. XÉT TUYỂN VÀ XỬ LÝ NGUYỆN VỌNG THEO KẾ HOẠCH CHUNG

1	Tải dữ liệu, thông tin xét tuyển; điểm thi tốt nghiệp THPT; kết quả học tập cấp THPT trên Hệ thống; điểm các kì thi... (nếu có). Tổ chức xét tuyển	HĐTS	Cán bộ CNTT; Ban Thư ký		Từ ngày 29/7/2026 đến 17 giờ 00 ngày 30/7/2026
2	Tập huấn công tác rà soát dữ liệu tuyển sinh	Theo thành phần triệu tập			Từ ngày 31/7/2026 đến 03/8/2026
3	Phối hợp xử lý nguyện vọng trên Hệ thống để xác định nguyện vọng cao nhất trong số NV mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển lần 1	HĐTS	Cán bộ CNTT; Ban Thư ký		Từ ngày 04/8/2026 đến 17 giờ 00 ngày 10/8/2026
4	Rà soát kết quả trước khi công bố điểm trúng tuyển (Giải quyết vướng mắc nếu có)	Cán bộ CNTT; Ban Thư ký			Trước 17 giờ 00 ngày 13/8/2026

III. THÔNG BÁO KẾT QUẢ VÀ XÁC NHẬN NHẬP HỌC

1	Thông báo thí sinh trúng tuyển đợt 1	HĐTS	Cán bộ CNTT; Ban Thư ký	Quyết định trúng tuyển đợt 1	Trước 17 giờ 00 ngày 13/8/2026
2	Xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên Hệ thống.	Thí sinh	Ban Thư ký	Danh sách thí sinh nhập học	17 giờ 00 ngày 21/8/2026

IV. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ VÀ XÉT TUYỂN BỔ SUNG

1	Thông báo tuyển sinh đợt bổ sung	HĐTS; T.TSHN	Ban Thư ký; Ban truyền thông	Thông báo	Từ ngày 22/8/2026
2	Xét tuyển các đợt tiếp theo và cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học theo quy định	HĐTS	Ban Thư ký, các đơn vị liên quan		Từ tháng 8 đến tháng 12/2026

5. Chính sách ưu tiên tuyển sinh

- Chính sách ưu tiên đối với khối giáo dục: Quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng (*Có phụ lục 01 kèm theo*).

- Chính sách ưu tiên theo đối tượng, khu vực đối với ngành Giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*Có phụ lục 01 kèm theo*).

6. Quyền lợi và chế độ của người học

Người học được bố trí chỗ ở trong khu nội trú; được hưởng học bổng chính sách, học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ vay vốn tín dụng để học tập theo quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể:

a. Chính sách miễn, giảm học phí:

- Được miễn học phí đối với người tốt nghiệp hoặc hoàn thành THCS học tiếp lên trình độ trung cấp.

- Sinh viên theo học ngành Giáo dục Mầm non được miễn 100% học phí.

- Đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ học phí được thực hiện theo cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/09/2025 về việc quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

b. Được hưởng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số với mức: **140.000đ/người/tháng, 1.680.000đ/năm**.

c. Học sinh được hưởng chế độ nội trú nếu thuộc các đối tượng sau:

- Nếu học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo; cận nghèo; người khuyết tật hoặc học sinh là người dân tộc La Ha được hưởng 100% mức tiền lương cơ sở/tháng (**2.340.000 đồng/người/tháng, 28.080.000 đồng/người/năm**).

- Nếu học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường Phổ thông dân tộc nội trú; học sinh, sinh viên là người dân tộc Kinh là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới được hưởng 80% mức tiền lương cơ sở /tháng (**1.872.000 đồng/người/tháng, 22.464.000 đồng/người/năm**)

- Nếu học sinh, sinh viên là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo; cận nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới được hưởng 60% mức tiền lương cơ sở/tháng: (**1.404.000 đồng/người/tháng, 16.848.000 đồng/người/năm**).

Ngoài ra, học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Sơn La được hưởng hỗ trợ của tỉnh như sau:

d. Khuyến khích 01 lần **1.000.000đ/người** cho học sinh học trình độ trung cấp; **2.000.000đ/người** cho sinh viên học trình độ cao đẳng là người dân tộc Mông, Dao,

Khơ Mú, La Ha, Kháng, Xinh Mun, Lào; con liệt sỹ; con thương binh hạng 1/4 (nếu là học sinh, sinh viên nữ được hưởng thêm 1.000.000đ).

e. Học sinh, sinh viên không thuộc diện được hưởng chế độ hỗ trợ trong mục (điểm c khoản 2 điều này) thì được tỉnh hỗ trợ cụ thể như sau:

- Là người dân tộc thiểu số được hưởng: 447.000đ/tháng, 4.917.000đ /11 tháng.

- Học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú tại các xã, bản thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hoặc là người dân tộc Mông, Dao, Kháng, Khơ Mú, Xinh Mun, Lào được hưởng 596.000đ/tháng, 6.556.000đ/11 tháng.

g. Đối với ngành sư phạm Giáo dục mầm non: được nhà nước hỗ trợ 3.630.000 đ/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường.

h. Hỗ trợ đối với sinh viên theo học: ngành Kỹ thuật điện - Điện tử, Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng (kể cả cao đẳng liên thông) có cam kết làm việc cho doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ được hỗ trợ tiền ăn, tiền ở, học phí; khi tham gia thực tập tại doanh nghiệp được doanh nghiệp trả lương theo quy định.

i. Khi mức hỗ trợ nêu trên được điều chỉnh bởi các văn bản mới, người học sẽ được thụ hưởng theo các quy định mới.

h. Đối với Lưu học sinh

- Lưu học sinh các tỉnh nước CHDCND Lào thuộc diện đào tạo theo chương trình hợp tác tại tỉnh Sơn La (diện ngân sách) được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh Sơn La.

- Được đảm bảo quyền lợi của người học theo quy định; Được cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ học tập phù hợp với điều kiện của Nhà trường; Được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể dục, thể thao của Nhà trường.

- Được về nước nghỉ hè, nghỉ lễ, được mời thân nhân đến thăm theo quy định của Việt Nam; được nghỉ phép, nghỉ ốm hoặc nghỉ để chữa bệnh khi có sự đồng ý của các cơ sở đào tạo.

- Được chăm lo, bảo vệ sức khỏe theo chế độ hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

7. Hồ sơ dự tuyển

7.1. Trình độ trung cấp gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển trung cấp (Theo mẫu Phụ lục 02)
- Bản sao học bạ THCS hoặc tương đương.
- Bản sao bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình THCS hoặc tương đương.

- Bản sao kết quả học tập phù hợp với đối tượng đăng ký xét tuyển và Phiếu chấm điểm năng khiếu (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển ngành/nghề nghệ thuật).

- Bản sao các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có).

7.2. Trình độ cao đẳng gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng; *(Theo mẫu Phụ lục 02)*
- Bản sao học bạ THPT hoặc tương đương;
- Bản sao bằng tốt nghiệp *(giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, giấy chứng nhận hoàn thành thành chương trình)* THCS, THPT, trung cấp hoặc tương đương.
- Bản sao các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có).

7.3. Đối với người học tốt nghiệp trình độ trung cấp đăng ký xét tuyển học cao đẳng:

- Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng; *(Theo mẫu Phụ lục 02).*
- Bản sao bằng trung cấp và giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định.

- Bản sao các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có).

7.4. Đối với người học là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

- Quyết định cử đi học của đơn vị hoặc văn bản tương đương và đảm bảo điều kiện tại mục 7.1 và 7.2, 7.3.

7.5. Đối với học sinh người nước ngoài (Lưu học sinh Lào)

Một (01) bộ hồ sơ bằng tiếng Lào và bản dịch bằng tiếng Việt gồm các các giấy tờ sau:

- Quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền (bộ và tỉnh).
- Chứng chỉ tiếng Việt tương đương **B2** (bậc 4/6) trở lên theo khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015.
- Bản sao có chứng thực hợp lệ học bạ THCS, THPT hoặc tương đương.
- Bản sao có chứng thực hợp lệ bằng tốt nghiệp.
- Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng; *(Theo mẫu Phụ lục 03).*
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo.
- Ảnh 4x6 (04 ảnh).
- Bản sao Hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam.

8. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ

- Thời gian: Từ ngày 20/01/2026.
- Địa điểm nhận hồ sơ: Trung tâm Tuyển sinh - Hướng nghiệp, Trường Cao đẳng Sơn La.

Địa chỉ: Tổ 2, Phường Chiềng Sinh, Tỉnh Sơn La.

- Tư vấn tuyển sinh liên hệ theo số điện thoại:
+ Máy bàn: 02123.874.546;
+ Di động: 0983.743.932; 0987.310.206; 0389.778.699

- Ngoài ra thí sinh tham khảo trên trang Website nhà trường liên quan đến công tác tuyển sinh tại địa chỉ <http://www.cdsonla.edu.vn>

- Thí sinh đăng ký trực tuyến tại: <https://xettuyen.cdsonla.edu.vn>

9. Tuyển sinh Lưu học sinh Lào

9.1. Đào tạo Tiếng Việt

- Thời gian học: 01 năm;
- Chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Được cấp chứng chỉ tiếng Việt sau khi tốt nghiệp;
- Sử dụng chứng chỉ tiếng Việt để học chuyên ngành tại các trường Cao đẳng, Đại học với các trình độ trong cả nước (*nhóm ngành sư phạm, kỹ thuật, nông - lâm nghiệp, Y – dược, kinh tế, dịch vụ...*)

9.2. Đào tạo chuyên ngành

- Thời gian học: Trình độ Cao đẳng 03 năm, Trung cấp nghề 02 năm (*trừ một số ngành/ngành khối nghệ thuật*).
- Đào tạo: Sau khi đã có chứng chỉ tiếng Việt theo quy định được bố trí học theo chuyên ngành đã chọn;
- Sau khi kết thúc khóa đào tạo và đạt yêu cầu sẽ được cấp bằng trình độ cao đẳng, trung cấp.

9.3. Đối tượng tuyển sinh, hình thức xét tuyển

9.3.1. Đào tạo Tiếng Việt

- Tuyển tất cả học sinh Lào đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đủ các điều kiện về hồ sơ và sức khỏe.
- Hệ tự túc: Không hạn chế số lượng, xét hồ sơ học sinh nếu hồ sơ đủ điều kiện sẽ được tiếp nhận.

9.3.2. Đào tạo chuyên ngành

Đã tốt nghiệp các cấp học ở giáo dục phổ thông và đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được miễn yêu cầu về điều kiện tiếng Việt.

9.4. Chế độ chính sách

9.4.1. Đối với toàn bộ LHS Lào

- Miễn phí Bảo hiểm y tế.
- Miễn phí ở trong ký túc xá.
- Miễn phí 03m³ nước, 15 kw điện/người/tháng.

- Nhà trường tổ chức Tết Bounpimay, Tết Nguyên Đán, Quốc khánh Lào, các hoạt động VHVV-TDTT khác...

9.4.2. Đối với LHS Lào hệ tự túc:

- Hỗ trợ khuyến khích cho LHS đạt thành tích học tập:

+ Kết quả rèn luyện và học tập đạt xuất sắc: 13.200.000 VNĐ/LHS/năm học.

+ Kết quả rèn luyện đạt xuất sắc hoặc tốt và học tập đạt giỏi: 12.000.000 đồng/LHS/năm học.

- Kết quả rèn luyện đạt tốt và học tập đạt khá: 3.600.000 đồng/LHS/năm học.

- Được xét chuyển sang hệ ngân sách tỉnh Sơn La cho năm học tiếp theo nếu 02 năm liền có kết quả rèn luyện xuất sắc, học tập giỏi trở lên.

9. 5. Hồ sơ, thời gian, địa điểm, học phí

9.5.1. Hồ sơ

Thí sinh nộp hồ sơ: gồm các giấy tờ 01 bộ bằng tiếng Lào và 01 bộ bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận hoặc chứng thực, như sau:

(1). *Phiếu đăng ký dành cho người nước ngoài học tập tại Việt Nam.*

(2). *Bản gốc hoặc bản sao học bạ.*

(3). *Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.*

(4). *Sơ yếu lý lịch (ảnh 4x6 cm).*

(5). *Giấy chứng nhận sức khỏe.*

(6). *Giấy khai sinh.*

(7). *Hộ chiếu.*

(8). *Chứng chỉ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 (nếu đăng ký học hệ Cao đẳng).*

9.5.2. Thời gian, địa điểm

- Thời gian: Từ tháng 01/2026 đến tháng 8/2026.

- Địa điểm:

+ Địa chỉ 1. Liên hệ với phòng Đào tạo Chuyên nghiệp, Sở Giáo dục Thể thao tỉnh: Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Xay Sôm Bun, Luông Pha Bang, Luông Nậm Thà, Phong Sa Lý, Bò Kẹo, Xay Nhạ Bu Ly, U Đôm Xay.

+ Địa chỉ 2. Liên hệ với Trường Cao đẳng Sơn La,

điện thoại/whatsapp: 0084.979.354.764; Email: quynhhieulo@gmail.com,

<https://www.facebook.com/hieu.quynh.90>

9.5.3 *Học phí (chỉ đối với LHS hệ tự túc):* LHS hệ tự túc học tiếng Việt, Cao đẳng: 12.000.000đ/người/năm học (*tương đương 4.500.000 Kíp*)

(*Ngoài ra không phải nộp bất cứ khoản phí nào khác*)

10. Thời gian dự kiến xét tuyển

TT	Các đợt tuyển sinh	Thời gian nhận hồ sơ đăng ký	Thời gian xét tuyển và thông báo trúng tuyển (dự kiến)	Ghi chú
1	Đợt 1	Từ ngày 20/01/2026 đến ngày 27/02/2026	Từ ngày 02- 05/3/2026	
2	Đợt 2	Từ ngày 28/2/2026 đến ngày 24/7/2026	Từ ngày 25-30/7/2026	
3	Đợt 3	Từ ngày 01/8/2026 đến ngày 20/8/2026	Từ ngày 25-30/8/2026	
4	Các đợt tiếp theo cứ 15 ngày Nhà trường tổ chức xét tuyển một đợt.			

Kết thúc mỗi đợt tuyển sinh Hội đồng tuyển sinh nhà trường tiếp tục thông báo tuyển sinh các đợt tiếp theo.

IV.CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN TUYỂN SINH, TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP

1. Thời gian thực hiện

Từ ngày 20/01/2026 đến khi kết thúc tuyển sinh năm 2026.

2. Nội dung triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Thông báo kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026 qua các phương tiện thông tin đại chúng.		
1.1	Qua Website của nhà trường	Trung tâm Thông tin - Thư viện	Thường xuyên
1.2	Qua Website các trường THPT, THCS.	Trung tâm TS-HN, Các đoàn công tác	01/01/2026-28/04/2026
1.3	Tuyên truyền trên Mạng xã hội, các trang Fanpage...	Trung tâm TS-HN, CBVC nhà trường, Đoàn trường phát động HSSV chia sẻ thông tin	01-01-30/12/2026
2	Tổ chức các đoàn thực hiện công tác tuyên truyền tuyển sinh		
2.1	Gửi qua HSSV các văn bản và tài liệu tuyên truyền tuyển sinh đến các xã trong tỉnh và 9 tỉnh nước CHDCND Lào	Đoàn thanh niên	Trước ngày 30/01/2026
2.2	Tổ chức các đoàn tuyên truyền tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp đến các trường THPT, PTDT Nội trú, Trung tâm GDTX, THCS.	Trung tâm TS-HN, các phòng, các khoa (có quyết định thành lập các đoàn sau)	Từ tháng 02/2026

	- Thống nhất với Ban Giám hiệu các trường THPT, PTDT Nội trú, THCS, Trung tâm GDTX tổ chức gặp mặt Phụ huynh, học sinh đang học lớp 12, lớp 6-9 trong khoảng 30 phút để giới thiệu về trường CĐSL, những nội dung cơ bản về công tác tuyển sinh của trường năm 2026, phổ biến về quyền lợi của người học tại trường CĐSL, phổ biến về cơ hội việc làm của người học sau tốt nghiệp.		
	- Lắng nghe những ý kiến phản hồi từ phụ huynh, học sinh, các nhà trường THPT, PTDT Nội trú, THCS, Trung tâm GDTX về công tác tuyển sinh của trường những năm qua, giải đáp những thắc mắc từ phía học sinh trong phạm vi có thể hoặc ghi chép, phản ánh để nhà trường xem xét, trả lời kịp thời tới các trường THPT, PTDT Nội trú, THCS, Trung tâm GDTX.		
	- Phân phối tài liệu tuyên truyền tuyển sinh: Tờ rơi, thông báo tuyển sinh in trên nền bạt đến các trường và học sinh.		
	- Hướng dẫn học sinh lựa chọn trình độ đào tạo, lựa chọn ngành, nghề theo học trong kế hoạch tuyển sinh năm 2026 của trường CĐSL.		
	- Chuyển hồ sơ xét tuyển đến lãnh đạo các trường để phát cho học sinh có nhu cầu vào học tại trường CĐSL.		
2.3	Tuyên truyền hướng nghiệp cho phụ huynh, học sinh THCS, THPT	Trung tâm TS-HN, các phòng, các khoa	Trong năm
3	Giao khoán hồ sơ tuyển sinh cho các khoa quản lý ngành/ngành tuyển sinh năm 2026 nhằm đảm bảo đủ thí sinh dự tuyển	Các khoa quản lý ngành/ngành	Tháng 4/2026
4	Tham gia ngày hội việc làm giới thiệu, quảng bá hình ảnh của nhà trường; phát tờ rơi, tuyên truyền ngành/ngành Tuyển sinh năm 2026.	Trung tâm TS-HN, các phòng, các khoa	Theo giấy mời và kế hoạch của các đơn vị tổ chức
5	Gửi qua Lưu học sinh, cán bộ Lào đang học tiếng việt các văn bản và tài liệu (tiếng việt và dịch tiếng Lào) tuyên truyền tuyển sinh đến 9 tỉnh Bắc Lào	Trung tâm TS-HN, Phòng TCCB-CTHSSV, Khoa Bồi dưỡng	Trước ngày 31/01/2026

** Lưu ý :*

- Không tự thành lập các đoàn công tác tuyển sinh không theo kế hoạch. Riêng về tuyển sinh liên kết trình độ đại học, Trung tâm TS-HN xây dựng kế hoạch tổng thể trình BGH phê duyệt.

- Các đơn vị được phân công thực hiện các nội dung trong kế hoạch lập báo cáo khi hoàn thành công việc gửi Ban Giám hiệu (Thông qua Trung tâm TS-HN).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm tuyển sinh - Hướng nghiệp

- Tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng các văn bản liên quan đến công tác tuyển sinh năm 2026 của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh năm 2026 theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao.

- Hoàn thiện và lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh Sơn La và các quy định hiện hành của nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng có liên quan triển khai thống nhất thông tin tuyển sinh, chuẩn bị tờ rơi tuyển sinh và hồ sơ xét tuyển năm 2026.

- Chuẩn bị tài liệu, thiết kế gian hàng tham gia Ngày hội việc làm; phân công đơn vị, cá nhân tham gia.

- Phối hợp cùng Phòng đào tạo chuẩn bị tài liệu cần thiết khác phục vụ công tác tuyển truyền.

- Tham mưu thành lập các đoàn công tác tuyển truyền tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp cho phụ huynh, học sinh THPT, THCS.

2. Phòng Đào tạo

Chuẩn bị các tài liệu liên quan đến công tác tuyển truyền tuyển sinh năm 2026 của nhà trường (In ấn tài liệu giới thiệu về ngành, nghề, quyền lợi của người học... năm tuyển sinh 2026).

3. Phòng Tổ chức cán bộ - Công tác học sinh sinh viên

- Rà soát chế độ chính sách hiện hành của nhà nước đối với người học được hưởng khi học tại nhà trường năm tuyển sinh 2026 chuyển về phòng Đào tạo trước ngày 30/12/2025.

- Phối hợp với Trung tâm TS-HN, phòng Đào tạo phân phối tài liệu đến các trường THPT, PTDTNT, Trung tâm GDTX, THCS, 09 tỉnh của nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và giao cho từng đoàn để tổ chức chuyển công tác.

- Phối hợp với Khoa Bồi dưỡng dịch tài liệu tuyển truyền tuyển sinh tiếng Việt và dịch tiếng Lào; gửi thông tin tuyển sinh, tài liệu tuyển truyền tuyển sinh đến cựu học viên, sinh viên Lào.

- Tham mưu quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2026 của nhà trường.

- Chuẩn bị phương tiện, kế hoạch công tác cho các đoàn (khi có lãnh đạo nhà trường tham dự).

- Quản lý và chịu trách nhiệm với những đợt công tác ngoài kế hoạch đã phê duyệt.

5. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Chuẩn bị kinh phí để tổ chức, triển khai công tác tuyển truyền về tuyển sinh năm 2026 theo đúng chế độ quy định.

- Hướng dẫn chi trả chế độ và hỗ trợ kinh phí để các đoàn công tác triển khai và hoàn thiện hồ sơ quyết toán.

6. Các đơn vị trong nhà trường

- Phối hợp với Trung tâm Tuyển sinh – Hướng nghiệp và giới thiệu việc làm thực hiện tốt công tác tuyển sinh năm 2026 của nhà trường.
- Thực hiện công tác tuyển sinh khi có sự phân công của Hiệu trưởng.
- Các khoa chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác tuyển truyền tuyển sinh năm 2026 của khoa.

7. Đoàn thanh niên

Phối hợp với Trung tâm TS-HN, phòng Đào tạo, phòng TC - HSSV cử HSSV phát tờ rơi và thông báo tuyển sinh tại các xã trong tỉnh và 09 tỉnh của nước cộng hòa dân chủ nhân dân.

8. Cán bộ, viên chức trong toàn trường

Chủ động tuyên truyền các ngành, nghề; các hệ bồi dưỡng, liên kết của nhà trường đến các đối tượng với nhiều hình thức khác nhau.

Trên đây là Kế hoạch công tác tuyển sinh năm 2026 của Trường Cao đẳng Sơn La, để công tác tuyển sinh đạt được hiệu quả, đề nghị toàn thể các đơn vị, cán bộ viên chức trong nhà trường tích cực triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (chỉ đạo);
- Các đơn vị trực thuộc (thực hiện);
- Lưu VT, T.TSHN.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Long

PHỤ LỤC 01

CÁC CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN KHỐI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại: các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hiện hành; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành.

- Đối tượng 02: Người lao động đã làm việc liên tục 5 năm trở lên trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân, công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đối tượng 04:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng lao động;

+ Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

+ Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;
+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

+ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở.

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với quân nhân, công an phục viên, xuất ngũ ở ngành, nghề dự thi hay đăng ký xét tuyển vào học trình độ cao đẳng, trung cấp là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay đăng ký xét tuyển.

- Đối tượng 06:

+ Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại khoản 3, Điều 36 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng.

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

+ Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định;

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

2. Chính sách tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng; tốt nghiệp trung học cơ sở, tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp;

b) Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khoẻ, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi Olympic, hội thi khoa học kỹ thuật, thi chọn học sinh giỏi từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng học trình độ trung cấp và đoạt giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thí sinh đoạt giải khuyến khích trở lên trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, được tuyển thẳng vào cao đẳng theo đúng ngành, nghề hoặc gần ngành, nghề của môn mà thí sinh đã đoạt giải. Nếu thí sinh chưa tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở sẽ được bảo lưu sau khi tốt nghiệp;

d) Thí sinh đã tốt nghiệp trung học là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng và thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các giải thi đấu thể dục, thể thao từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp thể dục, thể thao hoặc các ngành thể dục, thể thao của các trường theo quy định của từng trường;

đ) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế được tuyển thẳng vào học các ngành, nghề tương ứng trình độ cao đẳng và thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các cuộc thi nghệ thuật từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng vào học các ngành, nghề tương ứng trình độ trung cấp của các trường năng khiếu, nghệ thuật theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hay xét tuyển vào trường.

e) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành, nghề đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

g) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường cao đẳng, trung cấp Việt Nam: Hiệu trưởng các trường căn cứ kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

h) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp trung học phổ thông tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định hiện hành; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

i) Người có bằng trung cấp loại giỏi trở lên và người có bằng trung cấp loại khá có ít nhất 02 năm làm việc theo ngành, nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư này sẽ được tuyển thẳng vào cùng ngành, nghề trình độ cao đẳng;

k) Người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề quốc gia đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư này sẽ được tuyển thẳng vào trường để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đoạt giải ở trình độ cao đẳng;

l) Thí sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông (hoặc tương đương) có hạnh kiểm xếp loại khá trở lên, thuộc một trong các đối tượng sau đây được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên;

+ Mồ côi cả cha lẫn mẹ.

3. Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào học trình độ cao đẳng

a) Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, các kỳ thi tay nghề quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học phổ thông, hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho vào học;

b) Thí sinh đoạt huy chương bạc, huy chương đồng của các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức 1 lần trong năm và thí sinh được Ủy ban Thể dục thể thao có quyết định công nhận là vận động viên cấp 1 quốc gia đã tốt nghiệp trung học phổ thông được ưu tiên xét tuyển vào trình độ cao đẳng thể dục thể thao hoặc các ngành thể dục thể thao tương ứng của các trường;

c) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc được trường ưu tiên xét tuyển vào trình độ cao đẳng theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày thi tuyển sinh vào trường.

d) Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp trực tiếp cho trường dự kiến đăng ký tuyển thẳng trong thời gian thu nhận hồ sơ của trường.

4. Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền được tuyển thẳng nếu dự tuyển theo hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển được ưu tiên cộng điểm theo quy định của trường vào tổng điểm các môn dự tuyển của thí sinh.

Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp cho trường dự kiến đăng ký tuyển thẳng trong thời gian thu nhận hồ sơ theo quy định của nhà trường.

5. Chính sách ưu tiên theo khu vực

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học trung học phổ thông (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm thi tuyển sinh;

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Học sinh các trường, lớp dự bị;
- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học trung học phổ thông hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành nếu học trung học phổ thông (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên;

- Quân nhân, công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

- Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học trung học phổ thông/trung học cơ sở hoặc trung cấp của thí sinh, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành;

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1).;

- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

6. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) đối với thang điểm 10./.

CÁC CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Ưu tiên theo khu vực

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT; nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực

đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

Phân chia khu vực tuyển sinh:

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm UT1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.

04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm UT2</i>	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

3. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

3.1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do cơ sở đào tạo quy định.

3.2. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

3.3. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

3.4. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học vào ngành nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

3.5. Trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển khác (được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

b) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

PHỤ LỤC 02
PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
Năm:

I Thông tin cá nhân

1 Họ và tên*:

2 Ngày tháng năm sinh*:

3 Giới tính Nam ☐ Nữ ☐

THCS ☐ THPT ☐

4 Trình độ văn hóa*:

5 Email:

6 Điện thoại liên hệ*:

7 Địa chỉ liên hệ*:

8 Đối tượng ưu tiên (nếu có):

II Thông tin đăng ký học

9 Tên trường*: Trường Cao đẳng Sơn La Mã số: CDD1402

10 Tên ngành/ngành học*:

- Ngành/ngành 1: Mã ngành/ngành:

Trình độ đào tạo: Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐

- Ngành/ngành 2: Mã ngành/ngành:

Trình độ đào tạo: Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐

- Ngành/ngành 3: Mã ngành/ngành:

Trình độ đào tạo: Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

HƯỚNG DẪN

Ghi Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp

Thí sinh ghi đầy đủ các nội dung từ mục 1 đến mục 10 (nội dung có ký tự (*) là phần bắt buộc phải có) và lưu ý một số nội dung sau:

1. **Mục 1, 2:** Ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh theo học bạ (hoặc theo Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu nếu có);
2. **Mục 4:** Nếu đã tốt nghiệp THCS, THPT thì đánh dấu vào ô thích hợp. Nếu đang học thì ghi rõ lớp đang học (Ví dụ: Đang học lớp 12; đang học lớp 9).
3. **Mục 6:** Ghi số điện thoại của người nhận giấy báo và số điện thoại của thí sinh (nếu có), số điện thoại của thí sinh ghi sau số điện thoại của người nhận giấy báo;
4. **Mục 7:** Ghi rõ tên người nhận và địa chỉ của người nhận giấy báo. Địa chỉ phải đầy đủ: Số nhà, đường, phố, thôn (bản), xã (phường), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).
5. **Mục 9:** Thí sinh ghi chính xác tên trường muốn học kèm theo Mã số trường. Mỗi Phiếu đăng ký dự tuyển chỉ đăng ký ở một trường cụ thể.

6. Mục 10:

* Thí sinh tìm hiểu về ngành nghề đào tạo, trường đào tạo trước khi đăng ký. Có 3 cách cơ bản để tìm hiểu về những thông tin trên như sau:

(1) Tham khảo sách “Những điều cần biết về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp” được phát hành hàng năm trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Địa chỉ: <http://gdnn.gov.vn>);

(2) Truy cập website: <http://tuyensinh.gdnn.gov.vn/>, tìm kiếm theo từng tỉnh để biết về các trường và các nghề đào tạo của trường;

(3) Cài đặt ứng dụng “**Chọn nghề**” trên thiết bị di động (máy tính bảng, điện thoại Smartphone,...) để tìm hiểu về ngành nghề, về trường học.

Trường hợp không biết chính xác mã nghề có thể bỏ trống.

Theo cách (2) và (3), thí sinh có thể đăng ký tuyển sinh trực tuyến và có thể đăng ký từ 1 đến 3 nguyện vọng (3 ngành nghề).

* Về trình độ đào tạo: Đánh dấu (x) vào ô phù hợp:

- Trình độ trung cấp: Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên;

- Trình độ cao đẳng: Đối tượng tuyển sinh:

(1) Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

(2) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật về giáo dục./.

Dán ảnh cỡ
4x6
Attach your
photo size 4x6

PHỤ LỤC 03

PHIẾU ĐĂNG KÝ DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI VIỆT NAM APPLICATION FORM

FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN VIETNAM

Hãy điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (✓) vào các ô tương ứng. Viết họ tên bằng chữ in hoa. Please fill in the blanks or tick (✓) appropriate boxes. Write your full name in **BLOCK** letters.

1	Họ/Family name	Tên đệm/Middle name	Tên/First name
2	Ngày sinh/Date of birth:	Ngày/Day. tháng/month năm/year.	
3	Giới tính/Gender:	☐ Nam/Male	☐ Nữ/Female
4	Nơi sinh/Place of birth:	Thành phố/City.	
		Nước/Country.	
5	Quốc tịch/Nationality:		
6	Nghề nghiệp/Occupation:		
7	Tôn giáo/Religion:		
8	Hộ chiếu/Passport:	Số/Number	Nơi cấp/Place of issue
		Ngày cấp/Date of issue	Ngày hết hạn/Expiry date
9	Tình trạng hôn nhân/ Marital status:	☐ Độc thân/Single ☐ Đã kết hôn/Married ☐ Ly dị/Divorced	
10	Tiếng mẹ đẻ/Native language:		
11	Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address:		
12	Điện thoại nhà riêng trong nước/Home phone number in your home country:		

13	Người liên hệ khi cần báo tin ở trong nước/Contact person in your home country in case of emergency:	
	Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship
	Địa chỉ nơi ở/Residential address	Nơi làm việc/Place of work
	Điện thoại/Phone number	Email

14	Quá trình học tập/Educational background:			
	Năm học Academic year	Cơ sở đào tạo Institution	Ngành học Field of Study	Văn bằng, chứng chỉ Qualifications
				
				
				
				
15	Quá trình công tác/Employment record:			
	15.1 Cơ quan công tác/Employer:			
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year.	
	Vị trí công tác/Job Title:			
	Mô tả công việc/Job Description:			
	15.2 Cơ quan công tác/Employer:			
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year.	
	Vị trí công tác/Job Title:			
	Mô tả công việc/Job Description:			
16	Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/Self assessed Vietnamese language proficiency:			
	☐ Không biết tiếng Việt/Zero Vietnamese proficiency ☐ Biết tiếng Việt /Some Vietnamese Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:		☐ Sơ cấp/Elementary ☐ Trung cấp/Intermediate ☐ Cao cấp/Advanced	
	Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information:			
	Tên các trường đã học/Names of institutions attended:			
	Tổng thời gian đã học/Total length of study:		 giờ/hours tháng/months năm/years	

	Giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt/Certificate of Vietnamese language proficiency:	☐ Không/No ☐ Có/Yes Trình độ/Level:
	Loại văn bằng tốt nghiệp đã được cấp/Types of qualifications awarded:	☐ THPT/High school ☐ Cao đẳng/College ☐ Đại học/Bachelor ☐ Thạc sĩ/Master ☐ Tiến sĩ/Doctor
17	Trình độ tiếng Anh/English Language Proficiency: ☐ Không biết tiếng Anh/Zero English proficiency ☐ Biết tiếng Anh/Some English Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column: ☐ Sơ cấp/Elementary ☐ Trung cấp/Intermediate ☐ Cao cấp/Advanced	
18	Ngoại ngữ khác/Other foreign languages: Trình độ/Level: Trình độ/Level:	
19	Khóa học đăng ký/Proposed Study Program: ☐ Tiểu học/Primary School ☐ Trung học cơ sở/Lower Secondary School ☐ Trung học phổ thông/Upper Secondary School	
	☐ Trung cấp chuyên nghiệp/Secondary Professional and Technical School ☐ Cao đẳng/Associate ☐ Đại học/Bachelor ☐ Thạc sĩ/Master ☐ Tiến sĩ/PhD ☐ Thực tập sinh/Research Fellowship ☐ Khóa học ngắn hạn/Short-term training course	
20	Ngành học, lĩnh vực nghiên cứu đăng ký/Proposed field of study/research:	
21	Thời gian học đăng ký/Proposed period of study: Từ/From: ngày/day tháng/month.....năm/year. Đến/To: ngày/day tháng/month.....năm/year.	
22	Cơ sở giáo dục đăng ký/Proposed educational institution for study/research:	
23	Ngôn ngữ đăng ký sử dụng cho khóa học/Proposed language medium for study: ☐ Tiếng Việt/Vietnamese ☐ Tiếng Anh/English ☐ Ngôn ngữ khác/Other language:	
24	Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có)/Your family members living in Vietnam (if any):	

	Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship	Địa chỉ/Address
	1.		
	2.		
25	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/Source of funding for your study in Vietnam: ☐ Học bổng Chính phủ Việt Nam/Vietnamese Government Scholarship ☐ Học bổng khác/Other Scholarship ☐ Tự túc kinh phí/Self-funding		
26	Tôi, người ký tên dưới đây, xin cam đoan tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng ký này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lý lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam. I, the undersigned, hereby acknowledge that all the information on this Application Form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam.		
Ngày/Daytháng/month năm/year Ký tên/Applicant's signature:			

Danh mục hồ sơ/Document Checklist

Mỗi ứng viên cần nộp 01 bộ gồm các tài liệu (in trên giấy khổ A4) liệt kê dưới đây. Các văn bản giấy tờ ghi bằng ngôn ngữ khác với tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì phải đính kèm bản dịch hợp lệ sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Hồ sơ đăng ký không trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

Each applicant should submit 01 set of documents (printed on A4-size paper) listed hereunder. Documents in languages other than English or Vietnamese must be attached with duly notarized translation into English or Vietnamese. The submitted documents will not in any case be returned to the applicants.

- ☐ 1. Phiếu đăng ký đã điền đầy đủ thông tin/Completed application form.
- ☐ 2. Bản sao, bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực văn bằng, kết quả học tập theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo.
Copies and translation of degrees, diplomas and academic transcripts applicable for relevant levels of proposed study, duly notarized or certified by competent authorities of the sending country.
- ☐ 3. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

Medical examination certificate issued within 6 months from the date of application by competent health authorities of the sending country or by Vietnamese central, municipal or provincial medical bodies, clearly stating that the applicant is healthy and fit for overseas study.

- ☐ 4. Bản sao hợp lệ chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ quốc tế về ngôn ngữ sẽ sử dụng để học tập tại Việt Nam (nếu có).
Duly certified copies of Vietnamese Proficiency Certificates issued by competent educational institutions or internationally recognized certificate of the foreign language to be used for study in Vietnam (if any).
- ☐ 5. Bản sao giấy tờ minh chứng về tài chính đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam.
Copies of financial guarantee to support study, research and living in Vietnam.
- ☐ 6. Đề cương nghiên cứu (đối với nghiên cứu sinh) hoặc kế hoạch thực tập (đối với thực tập sinh).
Research proposal (for PhD applicants) or Plan of practical training (for Internship applicants).
- ☐ 7. Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu có trình độ tiến sĩ (đối với nghiên cứu sinh).
Letters of Recommendation provided by 02 researchers or academics who hold doctorate degrees and have similar fields of research (applicable to PhD applicants).
- ☐ 8. Bản sao hợp lệ các tài liệu, chứng chỉ về năng khiếu, chuyên môn, thành tích nghiên cứu,... (nếu có).
Duly certified copies of documents and certificates about the applicant's aptitude, expertise, research achievements, ... (if any).
- ☐ 9. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.
Copy of passport with a validity of the expected duration of study in Vietnam or at least 1 year from the expected arrival in Vietnam.